

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 115/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 1991

NGHỊ ĐỊNH

Ban hành quy định về việc thi hành Pháp lệnh đo lường

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Pháp lệnh đo lường ngày 6 tháng 7 năm 1990;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban khoa học Nhà nước;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy định về việc thi hành pháp lệnh đo lường.

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3.- Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 4.- Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

QUY ĐỊNH

VỀ VIỆC THI HÀNH PHÁP LỆNH ĐO LƯỜNG

(Ban hành kèm theo Nghị định số 115 - HĐBT ngày 13 tháng 4 năm 1991

của Hội đồng Bộ trưởng)

CHƯƠNG I

TRÁCH NHIỆM CÁC NGÀNH, CÁC CẤP ĐỐI VỚI ĐO LƯỜNG

Điều 1.- Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các Ngành trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm sau đây đối với đo lường:

1. Khi lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển ngành phải đồng thời lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển đo lường làm cơ sở cho việc cải tiến công nghệ, ứng dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật mới và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học của ngành.

2. Trên cơ sở các quy định của Nhà nước, xây dựng và ban hành các quy định, định mức cần thiết cho công tác quản lý đo lường của ngành.
3. Xây dựng và phát triển các cơ quan đo lường của ngành, của cơ sở; tổ chức việc phối hợp và liên kết các tiềm năng về đo lường của cơ sở nhằm phục vụ thiết thực và có hiệu quả cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và nghiên cứu khoa học của ngành, của cơ sở.
4. Kiểm tra, giám sát các hoạt động về đo lường của ngành, của cơ sở để thúc đẩy việc thực hiện các quy định của Nhà nước và của ngành về đo lường.

Điều 2.- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã trên địa bàn lãnh thổ mình quản lý có trách nhiệm sau đây đối với đo lường:

1. Dành kinh phí để mua sắm trang thiết bị và xây dựng các cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết cho việc thực hiện các quy hoạch, kế hoạch về đo lường nhằm đáp ứng yêu cầu của sản xuất và đời sống ở địa phương.
2. Trên cơ sở các quy định của Nhà nước, ban hành các văn bản cần thiết cho công tác quản lý đo lường của địa phương.
3. Kiểm tra, đôn đốc và chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các quy định của Nhà nước, của địa phương về đo lường.
4. Tiếp nhận và giải quyết trong phạm vi quyền hạn được giao hoặc chuyển đến các cơ quan có trách nhiệm để giải quyết các khiếu nại, tố cáo và kiến nghị về đo lường.

Điều 3.- Người đứng đầu cơ sở sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học trong phạm vi mình phụ trách có trách nhiệm sau đây đối với đo lường:

1. Trang bị phương tiện đo và tổ chức việc sử dụng, bảo quản phương tiện đo, việc thực hiện phép đo nhằm bảo đảm cho đo lường thống nhất và chính xác phù hợp với nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học của cơ sở; đặc biệt là ở những khâu hoạt động có liên quan đến việc mua bán, giao nhận hàng hoá bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ sức khoẻ và môi trường.
2. Thực hiện các quy định, các định mức có liên quan của Nhà nước, của ngành, của địa phương sở tại về đo lường.
3. Trên cơ sở các quy định của Nhà nước, xây dựng và ban hành các quy định, định mức cần thiết cho công tác quản lý đo lường của cơ sở.
4. Tổ chức việc tự kiểm tra, hiệu chỉnh, sửa chữa phương tiện đo của cơ sở.
5. Bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nhân viên đo lường của cơ sở.

CHƯƠNG II

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG

Điều 4. - Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng thuộc Ủy ban Khoa học Nhà nước là cơ quan quản lý Nhà nước cao nhất về đo lường của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trung tâm đo lường thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng là cơ quan giúp Tổng cục chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ và kiểm tra về đo lường trên phạm vi cả nước và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đo lường trên địa bàn do Ủy ban Khoa học Nhà nước phân công.

Điều 5.- Các Trung tâm Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng khu vực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đo lường trên địa bàn do Ủy ban Khoa học Nhà nước phân công.

Điều 6.- Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng thuộc Ban Khoa học - Kỹ thuật tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đo lường trên địa bàn tỉnh, thành phố, đặc khu theo phân cấp của cơ quan quản lý Nhà nước về đo lường cấp trên trực tiếp.

Điều 7.- Trung tâm Đo lường, Trung tâm Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng khu vực, Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý Nhà nước về đo lường quy định tại Điều 9 Pháp lệnh đo lường theo phạm vi phân cấp ở Điều 4, 5 và 6 của Nghị định này.

CHƯƠNG III

HỆ ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG QUỐC TẾ; CHUẨN QUỐC GIA; MẪU CHUẨN

Điều 8.

1. Hệ đơn vị đo lường quốc tế, viết tắt là SL, ở Điều 10 Pháp lệnh đo lường là hệ đơn vị đã được Đại hội cân đo quốc tế lần thứ XI họp tại Paris năm 1960 thông qua.

2. Hệ đơn vị đo lường quốc tế gồm 7 đơn vị cơ bản và các đơn vị dẫn xuất được suy ra từ các đơn vị cơ bản này.

3. Các đơn vị cơ bản của hệ đơn vị quốc tế là:

Mét, ký hiệu là m, là đơn vị đo độ dài.

Kilôgam, ký hiệu là kg, là đơn vị đo khối lượng.

Giây, ký hiệu là s, là đơn vị đo thời gian.

Ampe, ký hiệu là A, là đơn vị đo cường độ dòng điện.

Kenvin, ký hiệu là K, là đơn vị đo nhiệt độ.

Candela, ký hiệu là cd, là đơn vị đo cường độ ánh sáng.

Mol, ký hiệu là mol, là đơn vị đo lượng vật chất.

Điều 9.

1. Chuẩn quốc gia là chuẩn đơn vị đo lường (gọi tắt là chuẩn đo lường hoặc chuẩn) có độ chính xác đạt chuẩn đầu hoặc chuẩn thứ theo quy định quốc tế được Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt là cơ sở để xác định giá trị tất cả các chuẩn khác còn lại của một lĩnh vực đo trong nước. Trường hợp chưa có chuẩn đạt độ chính xác của chuẩn đầu hoặc chuẩn thứ, Hội đồng bộ trưởng sẽ phê duyệt chuẩn đo lường cao nhất (gọi tắt là chuẩn cao nhất) thay cho chuẩn quốc gia ở lĩnh vực đó.

2. Nhà nước quan tâm xây dựng và phát triển hệ thống chuẩn quốc gia hoặc chuẩn cao nhất tại cơ quan quản lý Nhà nước về đo lường. Ủy ban Khoa học Nhà nước phải có quy hoạch xây dựng và phát triển hệ thống chuẩn này phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế quốc dân và sự phát triển của khoa học - Kỹ thuật đo lường trên thế giới.

3. Đối với những lĩnh vực đo mà cơ quan quản lý Nhà nước về đo lường chưa có chuẩn hoặc trình độ chuẩn còn thấp, việc phê duyệt chuẩn quốc gia hoặc chuẩn cao nhất do các tổ chức đo lường ngành, cơ sở tiến hành. Việc phê duyệt này được thực hiện cùng với việc ủy quyền kiểm định Nhà nước cho các tổ chức đo lường này.

Điều 10.- Cơ sở để phê duyệt chuẩn quốc gia hoặc chuẩn cao nhất là:

1. Trình độ kỹ thuật và đo lường của chuẩn.
2. Các điều kiện cần thiết phục vụ việc bảo quản, duy trì và dẫn xuất chuẩn, bao gồm phương tiện so sánh, trang thiết bị phụ, điều kiện môi trường, mặt bằng làm việc và cán bộ đủ trình độ.
3. Tiêu chuẩn Việt Nam và các quy định có liên quan của Nhà nước về sơ đồ kiểm định, về phân loại, phân cấp chuẩn.
4. Khả năng và yêu cầu của nền kinh tế quốc dân.

Điều 11.- Hồ sơ để tiến hành thẩm xét, phê duyệt chuẩn quốc gia hoặc chuẩn cao nhất gồm:

1. Tài liệu về yêu cầu kỹ thuật và đo lường của chuẩn.
2. Quy định về bảo quản, sử dụng chuẩn.
3. Biên bản thử nghiệm nghiệm thu chuẩn (nếu là chuẩn nghiên cứu, chế tạo ở trong nước).
4. Giấy chứng nhận kiểm định chuẩn.
5. Bản thuyết minh về cơ sở kinh tế và kỹ thuật của chuẩn.

Điều 12.- Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước chịu trách nhiệm thẩm xét để trình Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng phê duyệt chuẩn quốc gia và được ủy nhiệm thay mặt Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng ký quyết định phê duyệt chuẩn đo lường cao nhất.

Giúp Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước tiến hành thẩm xét chuẩn quốc gia hoặc chuẩn cao nhất là Hội đồng thẩm xét quốc gia.

Điều 13.- Hội đồng thẩm xét quốc gia là tổ chức tư vấn về khoa học - kỹ thuật và kinh tế do một chuyên gia đo lường đầu ngành làm Chủ tịch và một số thành viên là chuyên gia thuộc các lĩnh vực có liên quan do Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước quyết định thành lập theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường- Chất lượng.

Ủy viên thường trực của Hội đồng thẩm xét quốc gia là chuyên gia của Trung tâm đo lường.

Kết luận của Hội đồng thẩm xét quốc gia là căn cứ để Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước quyết định phê duyệt chuẩn cao nhất hoặc trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt chuẩn quốc gia.

Trung tâm đo lường chịu trách nhiệm tiếp nhận các hồ sơ cần thiết và tổ chức hoạt động của Hội đồng thẩm xét quốc gia theo quy định.

Điều 14.- Ủy ban Khoa học Nhà nước, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện về kinh phí, hợp tác kinh tế và các điều kiện vật chất - kỹ thuật cần thiết khác để thực hiện quy hoạch xây dựng và phát triển hệ thống chuẩn quốc gia hoặc chuẩn cao nhất, để cơ sở có chuẩn quốc gia hoặc chuẩn cao nhất đã được phê duyệt thực hiện được việc bảo quản, sử dụng các chuẩn này đúng quy định, bảo đảm các chuẩn này được so sánh đúng kỳ hạn với chuẩn quốc tế hoặc chuẩn có độ chính xác cao hơn của nước ngoài theo điều 12 của Pháp lệnh đo lường.

Điều 15.- Cơ sở có chuẩn quốc gia hoặc chuẩn cao nhất đã được phê duyệt phải bảo quản, sử dụng các chuẩn này theo đúng quy định về quản lý chuẩn do Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng ban hành để đáp ứng yêu cầu về đo lường chung cho tất cả các ngành kinh tế quốc dân trong nước.

Điều 16.- Trường hợp chuẩn quốc gia hoặc chuẩn cao nhất đã được phê duyệt không còn đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế quốc dân hoặc không còn duy trì được trình độ kỹ thuật theo qui định, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước có trách nhiệm xem xét, trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định bãi bỏ hiệu lực của chuẩn quốc gia và được ủy nhiệm quyết định bãi bỏ hiệu lực của chuẩn cao nhất.

Điều 17.- Mẫu chuẩn về thành phần và tính chất của các chất và vật liệu (gọi tắt là mẫu chuẩn) là chất hay vật liệu mà giá trị của một hay nhiều đại lượng biểu thị thành phần hay tính chất của nó được xác định một cách chính xác và được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận.

Mẫu chuẩn là một dạng đặc biệt của chuẩn đơn vị đo lường.

Điều 18.- Mẫu chuẩn được chứng nhận theo hai hình thức : Chứng nhận mẫu chuẩn Nhà nước và chứng nhận mẫu chuẩn ngành.

Chứng nhận mẫu chuẩn Nhà nước do cơ quan quản lý Nhà nước về đo lường thực hiện.

Chứng nhận mẫu chuẩn ngành do cơ quan quản lý đo lường ngành thực hiện.

Điều 19.- Các mẫu chuẩn phải được chứng nhận Nhà nước bao gồm :

a) Mẫu chuẩn dùng để kiểm định hoặc khắc độ phương tiện đo.